

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 640/QĐ-HVPNVN ngày 8 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

Tên chương trình : Giới và Phát triển

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Giới và Phát triển

Tên tiếng Anh : Gender and Development Studies

Mã số đào tạo : 7310399

Loại hình đào tạo : Chính quy

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế đảm bảo cho sinh viên ngành Giới và Phát triển sau khi tốt nghiệp đạt được những mục tiêu sau:

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về Giới và Phát triển.
- Có tư duy khoa học, có khả năng nhận biết và tham gia góp phần giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới trong xã hội; có kỹ năng phân tích, lồng ghép giới trong một số lĩnh vực cụ thể; có khả năng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giới và phụ nữ.
- Có tác phong, thái độ chuyên nghiệp, nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc, có đạo đức nghề nghiệp; có thái độ công bằng, không phân biệt đối xử;
- Có quan điểm lập trường và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; luôn có ý thức tôn trọng và chấp hành chủ trương của Đảng, luật pháp chính sách của Nhà nước; hiểu biết các quy định, luật pháp trong nước và quốc tế về bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử với phụ nữ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được trang bị có hệ thống các kiến thức giáo dục đại cương, các kiến thức cơ sở, kiến thức chung của ngành Giới và Phát triển như phân tích giới, lồng ghép giới, lập kế hoạch có trách nhiệm giới, v.v. Đặc biệt, sinh viên được cung cấp các kiến thức chuyên ngành liên quan đến các vấn đề kinh tế, văn hóa, chính



trị, xã hội. Ngoài ra, Chương trình cũng cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng bổ trợ khác; tạo điều kiện cho sinh viên thực hành các kiến thức cơ bản đã được học thông qua các chuyên đề thực hành và thực tập tốt nghiệp.

1.2.2. Về kỹ năng

Sau khi học, sinh viên đạt được những kỹ năng sau:

- Kỹ năng tư duy nhạy cảm giới
- Kỹ năng phát hiện và phân tích vấn đề có nhạy cảm giới;
- Kỹ năng tham mưu, đề xuất giải pháp chính sách;
- Kỹ năng phân tích giới, lồng ghép giới;
- Kỹ năng đánh giá tác động chính sách;
- Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển
- Kỹ năng tuyên truyền, vận động giới;
- Kỹ năng tư vấn giới, tư vấn xã hội cho các chương trình, dự án;
- Kỹ năng giám sát, phản biện xã hội;
- Kỹ năng đánh giá, tổng kết thực tiễn;
- Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm;
- Kỹ năng nghiên cứu khoa học; kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo...

1.2.3. Về thái độ

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Giới và Phát triển có chuyên môn và phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, Luật pháp chính sách của Nhà nước, đặc biệt là các quan điểm phát triển, thúc đẩy bình đẳng giới. Sinh viên tốt nghiệp có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tôn trọng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có thái độ nghiêm túc và công bằng khi nhìn nhận và đánh giá các vấn đề giới và phát triển. Có trách nhiệm với cộng đồng, gia đình và bản thân.

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Giới và Phát triển trình độ đại học có thể làm các công việc sau:

- Là cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan chuyên trách Hội liên hiệp Phụ nữ các cấp từ Trung ương đến địa phương;
- Là cán bộ, chuyên viên làm việc độc lập tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội;
- Làm chuyên gia tư vấn giới hoặc tư vấn giới, tư vấn xã hội cho các dự án, các chương trình phát triển;

- Là cán bộ hoạch định chính sách, các chuyên viên làm việc trong các ban ngành từ Trung ương đến địa phương;
- Là chuyên viên, cán bộ chương trình, điều phối viên các dự án phát triển, chương trình phát triển;
- Là cán bộ, nhân viên trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức cộng đồng;
- Là giảng viên, chuyên viên về Giới và Phát triển, nghiên cứu viên trong các nhà trường, học viện, v.v.

II. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian hoàn thành Chương trình: 3,5 năm. Có thể rút ngắn không dưới 3 năm và không thể kéo dài quá 6 năm.

III. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Tuyển sinh theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Phương án tuyển sinh của Học viện Phụ nữ Việt Nam.
- Theo phương án tuyển sinh hàng năm của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

IV. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO - ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

V. THANG ĐIỂM

Thang điểm được thực hiện theo Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo theo thiết kế: 120 tín chỉ chưa bao gồm thời lượng đào tạo Tiếng Anh cơ bản (tương đương với 10 tín chỉ), Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ).

Chương trình bao gồm:

- ✓ Kiến thức giáo dục đại cương: 29 tín chỉ
- ✓ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính GDTC và GDQP) (29 tín chỉ)			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
6.1.1 Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1.	DHCT13	Triết học Mác-Lê nin	3
2.	DHCT14	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2
3.	DHCT15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4.	DHCT16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5.	DHCT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6.1.2 Ngoại ngữ , Tin học, GD thể chất , GD quốc phòng (không tính số TC tiếng Anh cơ bản, GD thể chất, GD quốc phòng) (6 tín chỉ)			
		Tiếng Anh cơ bản (Course 1)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 2)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 3)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4)	
		Tiếng Anh cơ bản (Course 4 plus)	
6.	DHNT08	Tiếng Anh chuyên ngành Giới và Phát triển	3
7.	DHNT13	Tin học văn phòng	3
8.	DHGQ03 DHGQ04 DHGQ05	Giáo dục thể chất	3
9.	DHQG03	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
6.1.3 Khoa học xã hội - Khoa học tự nhiên (8 tín chỉ)			
10.	DHXXH01	Xã hội học đại cương	2
11.	DHPL01	Pháp luật đại cương	2
12.	DHNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
13.	DHVH02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
6.1.4 Các học phần tự chọn (4 TC- Sinh viên chọn 2 trong 5 học phần)			
14.	DHPL07	Soạn thảo văn bản	2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
15.	DHTL07	Kỹ năng giao tiếp	2
	DHTL09	Kỹ năng sống	2
	DHTH01	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc	2
	DHNC09	Thực hiện đề tài khoa học sinh viên	2
6.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (91 tín chỉ)			
6.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành (19 tín chỉ)			
<i>Các học phần bắt buộc (15 tín chỉ)</i>			
16.	DHGC08	Lý thuyết phát triển	3
17.	DHCB20	Phát triển cộng đồng	2
18.	DHGC02	Nhập môn Giới và Phát triển	3
19.	DHGC03	Phụ nữ học	3
20.	DHTL22	Tâm lý học đại cương	2
21.	DHNC10	Điều tra xã hội học	2
<i>Các học phần tự chọn (4TC – Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần)</i>			
22.	DHXH03	Dân số và phát triển	2
	DHTL21	Tâm lý học giới	2
23.	DHGX14	Quyền con người	2
6.2.2 Kiến thức của ngành (50 tín chỉ)			
6.2.2.1 Kiến thức chung của ngành (8 tín chỉ)			
24.	DHLD22	Pháp Luật Bình đẳng giới	2
25.	DH GK01	Phân tích giới	3
26.	DH GK03	Lồng ghép giới	3
6.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành (42 tín chỉ)			
<i>Các học phần bắt buộc (36 tín chỉ)</i>			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
27.	DHGX01	Giới trong chính trị	3
28.	DHGX02	Giới trong chính sách công	3
29.	DHKT33	Giới trong kinh tế và quản trị	3
30.	DHTH18	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3
31.	DHGX03	Giới và an sinh xã hội	3
32.	DHGX05	Giới trong giáo dục và đào tạo	3
33.	DHGX06	Giới trong dân số và gia đình	3
34.	DHGX12	Giới trong khoa học và công nghệ	3
35.	DHGX08	Giới và truyền thông đại chúng	3
36.	DHGK04	Đánh giá tác động giới	3
37.	DHGX09	Giới trong chăm sóc sức khỏe	3
38.	DHPN03	Nghiệp vụ công tác phụ nữ	3
<i>Các học phần tự chọn (6 TC – Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần)</i>			
39.	DHGX10	Giới trong phát triển nông thôn bền vững	3
	DHGX11	Giới, văn hóa và phát triển	3
40.	DHGX07	Giới và môi trường	3
	DHGX13	Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	3
<i>6.2.3 .Kiến thức bổ trợ (4 TC – Sinh viên chọn 2 trong 3 học phần)</i>			
41.	DHGK05	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới	2
42.	DHGK06	Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển	2
	DHPR19	Kỹ năng lãnh đạo	2
<i>6.2.4. Chuyên đề thực hành</i>			7
43.	DHGK07	Thực hành phân tích, lồng ghép giới	3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
44.	DHGK09	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển	2
45.	DHGK08	Thực hành tuyên truyền vận động giới	2
6.2.5. Thực tập nghề nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (11 tín chỉ)			
46.	DHGC07	Thực tập tốt nghiệp	5
47. 48.	DHGC05	Khóa luận tốt nghiệp Hoặc với sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận: Học 2 học phần thay thế trong các môn kiến thức chuyên sâu tự chọn mà sinh viên chưa chọn.	6

VII. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1 - 2)			
HỌC KỲ 1			
1	Triết học Mác - Lênin	3	Không
2	Lý thuyết phát triển	3	Không
3	Xã hội học đại cương	2	Không
4	Pháp luật đại cương	2	Không
5	Tin học văn phòng	3	Không
6	Giáo dục thể chất 1	(1)	Không
Tổng		13 tín chỉ (không tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 2			
TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Nhập môn Giới và Phát triển	3	Không
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
3	Phụ nữ học	3	Không
4	Học phần tự chọn 1 (phần 6.1.4)	2	Không
5	Học phần tự chọn 2 (phần 6.1.4)	2	Không
6	Học phần tự chọn 3 (phần 6.2.1)	2	Không
7	Pháp luật bình đẳng giới	2	Không
8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Không
9	Giáo dục thể chất 2	(1)	Giáo dục thể chất 1
10	Giáo dục quốc phòng - an ninh	165 tiết	Không
Tổng		18 tín chỉ (không tính GD thể chất) 165 tiết giáo dục quốc phòng - an ninh	
NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3 - 4)			
HỌC KỲ 3			



TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác-Lênin
2	Kiến thức bổ trợ - Học phần 1 (phần 6.2.3)/Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển	2	Nhập môn Giới và Phát triển
3	Tâm lý học đại cương	2	Không
4	Phát triển cộng đồng	2	Không
5	Phân tích giới	3	Nhập môn Giới và Phát triển
6	Học phần tự chọn 4 (phần 6.2.1)	2	Không
7	Học phần tự chọn 5 (phần 6.2.2)	3	Không
8	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3	Không
9	Giáo dục thể chất 3	(1)	Giáo dục thể chất 2
Tổng		19 tín chỉ (không tính GD thể chất)	
HỌC KỲ 4			
TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
2	Kiến thức bổ trợ - Học phần 2 (phần 6.2.3)/Kỹ năng tuyên truyền vận động giới	2	Nhập môn Giới và Phát triển
3	Nghiệp vụ công tác phụ nữ	3	Phụ nữ học
4	Điều tra xã hội học	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học
5	Lồng ghép giới	3	Phân tích giới
6	Giới trong dân số và gia đình	3	Phân tích giới
7	Thực hành xây dựng và quản lý dự án phát triển	2	Lý thuyết phát triển
8	Học phần tự chọn 6 (phần 6.2.2)	3	Phân tích giới
Tổng		20 tín chỉ	

TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5 - 6)			
HỌC KỲ 5			
TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới trong kinh tế và quản trị	3	Phân tích giới
3	Thực hành tuyên truyền vận động giới	2	Kỹ năng tuyên truyền vận động giới
4	Thực hành phân tích, lồng ghép Giới	3	Phân tích giới, Lồng ghép giới
5	Giới trong chính sách công	3	Phân tích giới
6	Giới trong giáo dục và đào tạo	3	Nhập môn Giới và Phát triển
7	Đánh giá tác động giới	3	Phân tích giới
	Tổng		19 tín chỉ
HỌC KỲ 6			
TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2	Giới trong chăm sóc sức khỏe	3	Nhập môn Giới và phát triển
3	Tiếng Anh chuyên ngành Giới và Phát triển	3	Tiếng Anh cơ bản
4	Giới trong khoa học và công nghệ	3	Nhập môn Giới và Phát triển
5	Giới và truyền thông đại chúng	3	Nhập môn Giới và Phát triển
6	Giới và an sinh xã hội	3	Nhập môn Giới và Phát triển
7	Giới trong chính trị	3	Phân tích giới
	Tổng		20 tín chỉ
NĂM THỨ TƯ			
HỌC KỲ 7			

TT	Tên học phần	Số TC	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập nghề nghiệp	5	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ Học 2 học phần thay thế trong các môn kiến thức chuyên sâu tự chọn mà sinh viên chưa chọn.	6	
Tổng		11 tín chỉ	

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình này được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên nền tảng lý thuyết và ứng dụng nghề nghiệp thực tế. Vì vậy, khi xây dựng đề cương môn học cần chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự học, khả năng tư duy của sinh viên.

- Khi lập kế hoạch đào tạo cần cân đối giữa các khối kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành;

- Chương trình có nhấn mạnh đến các kỹ năng cần thiết về lồng ghép, phân tích giới và các kiến thức chuyên sâu liên quan đến giới và luật pháp chính sách, giới và kinh tế, giới và các vấn đề xã hội. Đặc biệt, chương trình có tính đến đặc thù của Hội LHPN Việt Nam là phần đầu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới nên vấn đề công tác phụ nữ, vai trò đại diện của phụ nữ, phong trào phụ nữ cũng là điểm nhấn quan trọng trong Chương trình.

8.1. Về tổ chức đào tạo tiếng Anh cơ bản

Sinh viên nghiên cứu kỹ quy chế đào tạo và hướng dẫn tổ chức dạy tiếng Anh cơ bản cho sinh viên của Học viện Phụ nữ Việt Nam, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp. Các yêu cầu cơ bản như sau:

a) Tuần đầu tiên của học kỳ 1 năm thứ nhất, toàn bộ sinh viên năm thứ nhất (ngoại trừ những sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế hợp lệ) PHẢI tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh để nhà trường xác định được trình độ tiếng Anh đầu vào và làm căn cứ xếp lớp học. Các sinh viên đạt yêu cầu về điểm thi hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì được miễn học tối đa 2 khóa học cơ bản và được xếp vào các lớp có trình độ tương đương.

b) Trên cơ sở kết quả đánh giá đầu vào, sinh viên đăng ký học tập tiếng Anh cơ bản và nộp học phí tại Trung tâm CETCAW thuộc Học viện theo lịch giảng dạy của từng

khóa học (course), đảm bảo không trùng với lịch học tập của các học phần trong chương trình đào tạo.

- Kết thúc mỗi năm học, trung tâm CETCAW sẽ gửi kết quả đánh giá hoàn thành các khóa học, bao gồm cả việc xác minh kết quả học tập tiếng Anh từ bên ngoài của sinh viên, tổng hợp theo mã số sinh viên về phòng Đào tạo để cập nhật vào hệ thống.

- Những sinh viên không tham gia đánh giá đầu vào năng lực tiếng Anh sẽ đăng ký học từ đầu (course 1) tại trung tâm CET-CAW.

- Những sinh viên không tham gia học tập tiếng Anh cơ bản tại trung tâm CETCAW thuộc Học viện PHẢI gửi minh chứng trình độ tiếng Anh theo số tín chỉ tích lũy về trung tâm CETCAW để kiểm tra, xác nhận chậm nhất vào tuần học thứ 15 kỳ 2 của mỗi năm học. Nếu không có minh chứng, sinh viên sẽ phải đăng ký tham gia kỳ thi tiếng Anh cuối mỗi năm học do CETCAW tổ chức.

- Quá trình học tập và Kết quả học tập tiếng Anh là căn cứ để xác định số lượng tín chỉ tối đa được đăng ký trong mỗi học kỳ của năm học tiếp theo, là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và tốt nghiệp của sinh viên.

- Các sinh viên học tiếng Anh cơ bản tại Trung tâm CETCAW sẽ được cam kết cung cấp dịch vụ đào tạo có chất lượng, với chi phí học tập thấp do được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Học viện.

c) Sau khi hoàn thành 4 khóa học tiếng Anh cơ bản, sinh viên đăng ký thi chứng chỉ đầu ra tiếng Anh tại trung tâm CETCAW chậm nhất vào kỳ 2 của năm thứ tư. Khuyến khích các sinh viên đăng ký thi chứng chỉ quốc tế do trung tâm CETCAW phối hợp với đối tác tổ chức để đảm bảo các chứng chỉ có giá trị trong tuyển dụng, nộp hồ sơ đăng ký các bậc học cao hơn hoặc cho các mục đích cá nhân khác.

8.2. Về việc xây dựng nội dung chi tiết học phần

Khi xây dựng nội dung chi tiết cho môn học cần chú ý đến những kiến thức phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo, cân đối giữa lý thuyết và thực hành.

8.3. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo. Cụ thể:

- Sử dụng đa dạng các hình thức thảo luận nhóm, bài tập tình huống, nghe khách mời, xem clip, đóng vai;

- Khuyến khích sự tham gia của học sinh vào quá trình trao đổi, hỏi đáp liên quan đến nội dung bài học;

- Rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, kỹ năng hợp tác, kỹ năng phân tích, kỹ năng dự báo, v.v.

8.4. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN 




TS. Trần Quang Tiến

VIỆT